

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(Thời điểm ngày 08/11/2024)

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
A. NGÀNH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TỔNG: 05 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 2695 NGÀY 28/07/2021 CỦA UBND TỈNH				
1	1	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QĐ 2695	
2	2	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QĐ 2695	
3	3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động trở lại	QĐ 2695	
4	4	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QĐ 2695	
5	5	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục Tiểu học	QĐ 2695	
B. NGÀNH LAO ĐỘNG - TB&XH TỔNG: 47 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 2604 NGÀY 05/08/2019 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH 3747 NGÀY 22/11/2019 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH 3110 NGÀY 08/9/2021 CỦA UBND TỈNH; 4. QUYẾT ĐỊNH 3402 NGÀY 11/10/2021 CỦA UBND TỈNH; 5. QUYẾT ĐỊNH 680 NGÀY 27/03/2023 CỦA UBND TỈNH. 6. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2110 NGÀY 05/09/2023 CỦA UBND TỈNH. 7. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2111 NGÀY 05/09/2023 CỦA UBND TỈNH. 8. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2109 NGÀY 05/09/2023 CỦA UBND TỈNH. 9. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1856 NGÀY 29/7/2024 CỦA UBND TỈNH 10. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1858 NGÀY 29/7/2024 CỦA UBND TỈNH				
I. Lĩnh vực Người có công (21 TTHC)				
6	1	Xét truy tặng danh hiệu Vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QĐ 3747	LT
7	2	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QĐ 3747	LT
8	3	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QĐ 3747	LT
9	4	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia	QĐ 3747	LT
10	5	Trợ cấp hàng tháng/ một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QĐ 1856	LT
11	6	Cấp giấy xác nhận thân nhân của Người có công	QĐ 2111	
12	7	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ	QĐ 680	LT
13	8	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng Danh hiệu Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QĐ 680	LT
14	9	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QĐ 680	LT
15	10	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội công an	QĐ 680	LT
16	11	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QĐ 680	LT
17	12	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động TBXH quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sỹ	QĐ 680	LT

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
18	13	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QĐ 680	LT
19	14	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ 680	LT
20	15	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QĐ 680	LT
21	16	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt, tù đầy	QĐ 680	LT
22	17	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QĐ 680	LT
23	18	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QĐ 680	LT
24	19	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ Đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QĐ 680	LT
25	20	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QĐ 680	LT
26	21	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QĐ 680	LT
II. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (22 TTHC)				
27	22	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ 3110	LT
28	23	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QĐ 3110	LT
29	24	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QĐ 3110	LT
30	25	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QĐ 3110	LT
31	26	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QĐ 3110	LT
32	27	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QĐ 3110	LT
33	28	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh	QĐ 1856	LT
34	29	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QĐ 2109	LT
35	30	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QĐ 3747	LT
36	31	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	QĐ 3747	LT
37	32	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và giấy xác nhận khuyết tật	QĐ 1858	
38	33	Cấp đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật	QĐ 1858	
39	34	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QĐ 2604	
40	35	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	QĐ 2604	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
41	36	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QĐ 2604	
42	37	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm	QĐ 2111	
43	38	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm	QĐ 2111	
44	39	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hàng năm	QĐ 2111	
45	40	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.	QĐ 2111	
46	41	Hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho thành viên hộ nghèo có đối tượng người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	QĐ 2110	
47	42	Hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo	QĐ 2110	
48	43	Hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho thành viên hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là con, bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của người hưởng chính sách bảo trợ xã hội	QĐ 2110	
III. Lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)				
49	44	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	QĐ 2604	
50	45	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	QĐ 2604	
51	46	Áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	QĐ 3747	LT
IV. Lĩnh vực Việc làm (01 TTHC)				
52	47	Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	QĐ 3402	LT
C. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỔNG: 13 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 3149 NGÀY 23/09/2019 CỦA UBND TỈNH; 2. QUYẾT ĐỊNH 3239 NGÀY 30/09/2019 CỦA UBND TỈNH; 3. QUYẾT ĐỊNH 620 NGÀY 20/02/2020 CỦA UBND TỈNH; 4. QUYẾT ĐỊNH 3157 NGÀY 21/09/2020 CỦA UBND TỈNH. 5. QUYẾT ĐỊNH 2567 NGÀY 06/10/2023 CỦA UBND TỈNH.				
V. Lĩnh vực Thủy lợi (03 TTHC)				
53	1	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QĐ 3149	
54	2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QĐ 3149	
55	3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QĐ 3149	
VI. Lĩnh vực Phòng chống thiên tai (05 TTHC)				
56	4	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QĐ 3149	
57	5	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QĐ 3149	
58	6	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QĐ 3149	
59	7	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QĐ 2567	LT
60	8	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QĐ 2567	LT

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
VII. Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)				
61	9	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QĐ 620	
VIII. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (01 TTHC)				
62	10	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	QĐ 3149	
IX. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (02 TTHC liên thông với cấp huyện)				
63	11	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QĐ 3239	LT
64	12	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	QĐ 3239	LT
X. Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường (01 TTHC)				
65	13	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ 3157	
D. NGÀNH NỘI VỤ TỔNG: 15 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1493 NGÀY 18/06/2024 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3827 NGÀY 27.11.2019 CỦA UBND TỈNH				
XI. Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (05 TTHC)				
66	1	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND xã cho cá nhân, tập thể theo công trạng	QĐ 1493	
67	2	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo chuyên đề	QĐ 1493	
68	3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất	QĐ 1493	
69	4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QĐ 1493	
70	5	Thủ tục tặng Danh hiệu lao động tiên tiến	QĐ 1493	
XII. Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)				
71	6	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QĐ 1928	
72	7	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QĐ 1928	
73	8	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QĐ 1928	
74	9	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QĐ 1928	
75	10	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QĐ 1928	
76	11	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QĐ 1928	
77	12	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QĐ 1928	
78	13	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QĐ 1928	
79	14	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QĐ 1928	
80	15	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QĐ 1928	
D. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỔNG: 35 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2379/QĐ-UBND NGÀY 10/12/2019 CỦA UBND TỈNH (03 TTHC). 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2469/QĐ-UBND NGÀY 26/9/2023 CỦA UBND TỈNH (10 TTHC). 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2180/QĐ-UBND NGÀY 12/9/2024 CỦA UBND TỈNH (22 TTHC).				
XIII. Lĩnh vực Đất đai (33 TTHC)				
81	1	Cung cấp thông tin dữ liệu đất đai		

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
82	2	Đăng ký biến động QSD đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, cho thuê, cho thuê lại sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	QĐ 2180	
83	3	Bán hoặc góp vốn tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QĐ 2180	
84	4	Xóa đăng ký thuê cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	QĐ 2180	
85	5	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề, giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	QĐ 2180	
86	6	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký	QĐ 2180	
87	7	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng, quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm, bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký bao gồm cả xử lý khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	QĐ 2180	
88	8	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ	QĐ 2180	
89	9	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	QĐ 2180	
90	10	Đăng ký đất đai tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	QĐ 2180	
91	11	Đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	QĐ 2180	
92	12	Đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	QĐ 2180	
93	13	Cấp đổi Giấy chứng nhận	QĐ 2180	
94	14	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	QĐ 2180	
95	15	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	QĐ 2180	
96	16	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QĐ 2180	
97	17	Thu hồi giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QĐ 2180	
98	18	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	QĐ 2180	
99	19	Đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	QĐ 2180	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
100	20	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	QĐ 2180	
101	21	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản	QĐ 2180	
102	22	Đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	QĐ 2180	
103	23	Hòa giải tranh chấp đất đai cấp xã	QĐ 2379	
104	24	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QĐ 2469	
105	25	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện "dồn điền đổi thửa" (đồng loạt)	QĐ 2469	
106	26	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QĐ 2469	
107	27	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QĐ 2469	
108	28	Đăng ký và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QĐ 2469	
109	29	Cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QĐ 2469	
110	30	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QĐ 2469	
111	31	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QĐ 2469	
112	32	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân, giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.	QĐ 2469	
113	33	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình cá nhân.	QĐ 2469	
XIV. Lĩnh vực Môi trường (02 TTHC)				
114	34	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QĐ 2379	Mới
115	35	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QĐ 2379	Sửa
E. NGÀNH TƯ PHÁP TỔNG: 43 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2352 NGÀY 16/06/2021 CỦA UBND TỈNH. 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 10/QĐ-UBND NGÀY 02/01/2024 CỦA UBND TỈNH. 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3509/QĐ-UBND NGÀY 30/8/2021 CỦA UBND TỈNH				
XV. Lĩnh vực Hộ tịch (22 TTHC)				
116	1	Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến	QĐ 10	
117	2	Đăng ký khai sinh	QĐ 10	
118	3	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 10	
119	4	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QĐ 10	
120	5	Đăng ký khai sinh lưu động	QĐ 10	
121	6	Thủ tục đăng ký kết hôn	QĐ 10	
122	7	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	QĐ 10	
123	8	Đăng ký kết hôn lưu động	QĐ 10	
124	9	Đăng ký khai tử	QĐ 10	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
125	10	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới	QĐ 10	
126	11	Đăng ký khai tử lưu động	QĐ 10	
127	12	Đăng ký giám hộ	QĐ 10	
128	13	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QĐ 10	
129	14	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QĐ 10	
130	15	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QĐ 10	
131	16	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QĐ 10	
132	17	Đăng ký lại khai sinh	QĐ 10	
133	18	Đăng ký lại kết hôn	QĐ 10	
134	19	Đăng ký lại khai tử	QĐ 10	
135	20	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QĐ 10	
136	21	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QĐ 10	
137	22	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QĐ 10	
XVI. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (03 TTHC)				
138	23	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QĐ 10	
139	24	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QĐ 10	
140	25	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QĐ 10	
XVII. Lĩnh vực Chứng thực (11 TTHC)				
141	26	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QĐ 3509	
142	27	Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QĐ 3509	
143	28	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 3509	
144	29	Chứng thực di chúc	QĐ 3509	
145	30	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QĐ 3509	
146	31	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 3509	
147	32	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QĐ 3509	
148	33	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QĐ 3509	
149	34	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QĐ 3509	
150	35	Cấp bản sao từ sổ gốc	QĐ 3509	
151	36	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QĐ 3509	
XVIII. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục Pháp luật (02 TTHC)				
152	37	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QĐ 3509	
153	38	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QĐ 3509	
XIX. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (05 TTHC)				
154	39	Thủ tục công nhận hòa giải viên	QĐ 3509	
155	40	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QĐ 3509	
156	41	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	QĐ 3509	
157	42	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QĐ 3509	
158	43	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QĐ 2352	LT

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
F. NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỔNG: 10 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3614 NGÀY 04/11/2019 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2933 NGÀY 10/11/2023 CỦA UBND TỈNH 3. QUYẾT ĐỊNH SỐ 992/QĐ-UBND NGÀY 15/04/2024 CỦA UBND TỈNH 4. QUYẾT ĐỊNH SỐ 706 NGÀY 21/03/2024 CỦA UBND TỈNH HÀ TĨNH				
XX. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (03 TTHC)				
159	1	Thông báo tổ chức lễ hội	QĐ 3614	
160	2	Xét tặng Danh hiệu Gia đình văn hóa hằng năm	QĐ 992	
161	3	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	QĐ 992	
XXI. Lĩnh vực Thư viện (03 TTHC)				
162	4	Thông báo thành lập Thư viện đối với Thư viện cộng đồng	QĐ 1989	
163	5	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách Thư viện đối với thư viện cộng đồng	QĐ 1989	
164	6	Thông báo chấm dứt hoạt động Thư viện cộng đồng	QĐ 2933	
XXII. Lĩnh vực Thể dục, Thể thao (01 TTHC)				
165	7	Công nhận Câu lạc bộ thể thao cơ sở	QĐ 3614	
XXIII. Lĩnh vực Gia đình (02 TTHC)				
166	8	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch UBND xã theo đề nghị của cơ quan tổ chức, cá nhân	QĐ 992	
167	9	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	QĐ 992	
XXIV. Lĩnh vực Văn hóa (01 TTHC)				
168	10	Thủ tục xét tặng Danh hiệu gia đình Văn hóa	QĐ 706	
G. NGÀNH THANH TRA TỔNG: 08 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 247 NGÀY 23/01/2024 CỦA UBND TỈNH 2. QUYẾT ĐỊNH SỐ 23 NGÀY 05/01/2023 CỦA UBND TỈNH				
XXV. Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại (01 TTHC)				
169	1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXVI. Lĩnh vực Giải quyết tố cáo (01 TTHC)				
170	2	Giải quyết tố cáo tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXVII. Lĩnh vực Tiếp công dân (01 TTHC)				
171	3	Tiếp công dân tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXVIII. Lĩnh vực Xử lý đơn (01 TTHC)				
172	4	Xử lý đơn tại UBND cấp xã	QĐ 247	
XXIX. Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng (04 TTHC)				
173	5	Kê khai tài sản thu nhập	QĐ 23	
174	6	Xác minh tài sản thu nhập	QĐ 23	
175	7	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QĐ 23	
176	8	Thực hiện việc giải trình	QĐ 23	
H. LIÊN THÔNG TTHC: ĐĂNG KÝ KHAI TỬ, XÓA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, HƯỞNG CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG/HƯỞNG MAI TÁNG PHÍ TỔNG: 02 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1846 NGÀY 26/7/2024 CỦA UBND TỈNH				

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
177	1	Liên thông các TTHC: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi	QĐ 1846	LT
178	2	Liên thông thủ tục: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí	QĐ 1846	LT
I. NGÀNH QUỐC PHÒNG TỔNG: 21 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH 1291 NGÀY 07/10/2019 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ; 2. QĐ 3648 NGÀY 04/09/2018 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG; 3. QĐ 1917 NGÀY 15/05/2019 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG, 4. QĐ 4576/QĐ-BQP ngày 06/11/2022 CỦA BỘ QUỐC PHÒNG.				
XXX. Lĩnh vực Động viên quân đội (02 TTHC)				
179	1	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	QĐ 1291	1
180	2	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	QĐ 1291	2
XXXI. Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (01 TTHC)				
181	3	Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000	QĐ 1291	3
XXXII. Lĩnh vực Dân quân tự vệ (02 TTHC)				
182	4	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	QĐ 1291	4
183	5	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết	QĐ 1291	5
XXXIII. Lĩnh vực Nghĩa vụ Quân sự (07 TTHC)				
184	6	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự lần đầu	QĐ 1291	6
185	7	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	QĐ 1291	7
186	8	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự bổ sung	QĐ 1291	8
187	9	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QĐ 1291	9
188	10	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	QĐ 1291	10
189	11	Đăng ký Nghĩa vụ Quân sự tạm vắng	QĐ 1291	11
190	12	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	QĐ 1291	12
XXXIV. Lĩnh vực Chính sách (09 TTHC)				
191	13	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	QĐ 1291	
192	14	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (<i>đối tượng từ trần</i>)	QĐ 1291	
193	15	Giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp Giấy chứng nhận đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân trong nước kê khai, nhận chế độ	QĐ 3648	
194	16	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	QĐ 1917	

TT chung	TT riêng	Tên thủ tục hành chính	Quyết định	Ghi chú
195	17	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	QĐ 1917	
196	18	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	QĐ 1917	
197	19	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết	QĐ 1917	
198	20	Thủ tục cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QĐ 4576	
199	21	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	QĐ 4576	
K. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỔNG: 03 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 67 NGÀY 08/01/2020 CỦA UBND TỈNH				
XXXV. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác (03 TTHC)				
200	1	Thông báo thành lập Tổ hợp tác	QĐ 67	
201	2	Thông báo thay đổi Tổ hợp tác	QĐ 67	
202	3	Thông báo chấm dứt hoạt động của Tổ hợp tác	QĐ 67	
L. NGÀNH CÔNG THƯƠNG TỔNG: 01 THỦ TỤC 1. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1650 NGÀY 05/7/2024 CỦA UBND TỈNH				
203	1	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	QĐ 1650	
Tổng cộng: Có 12 Ngành; 35 Lĩnh vực; 203 Thủ tục hành chính				

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ